TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 168/2025/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 782/TLST – HN ngày 24/12/2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1978.
- Bà Đinh Thị Thu G, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số C Đường E, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu các đương sự cư trú tại Quận G và có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Thu G và ông Nguyễn Tuấn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2023, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 01/2003 đăng ký

ngày 21/01/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường H1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Đinh Thị Thu G và ông Nguyễn Tuấn C có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Đinh Thị Thu G và ông Nguyễn Tuấn C thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Đinh Thị Thu G và ông Nguyễn Tuấn C xác nhận có 02 con chung họ tên là Lâm Nguyễn Gia T (nam), sinh ngày 15/05/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Mỹ Q (nữ), sinh ngày 25/11/2006. Sau khi ly hôn ông, bà thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Nguyễn Mỹ Q (nữ), sinh ngày 25/11/2006 cho bà Đinh Thị Thu G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bà Đinh Thị Thu G không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyên thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn C và bà Đinh Thị Thu G xác nhận thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 01/2003 đăng ký ngày 21/01/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường H1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Có 02 con chung họ tên là Lâm Nguyễn Gia T (nam), sinh ngày 15/05/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Mỹ Q (nữ), sinh ngày 25/11/2006. Sau khi ly hôn, bà Đinh Thị Thu G và ông Nguyễn Tuấn C thống

nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Mỹ Q (nữ), sinh ngày 25/11/2006 cho bà Đinh Thị Thu G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bà Đinh Thị Thu G không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tuấn C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về nợ chung: Không có.

1.5.Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0037282 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H